

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 01 năm 2025
“V/v Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIỀN CHIỀU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ánh N**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. ềng **Nguyễn Văn C**

2. Bà **Nguyễn Thị Thanh B**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L: ềng **Nguyễn Việt V** - Kiểm sát viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ềng **Khuất Duy T** - Cán bộ Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liền Chiều thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 422/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2024/QĐST - HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐHPT ngày 10.1.2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn : Bà **Thị Thị T** - Sinh năm 1993 – Trú tại: Tổ 53 Nam Ô 3, phường Hứa Hiệp N , quận L, thành phố Đ, cú mặt.

* Bị đơn : Ông **Lờ Thanh B** - Sinh năm 1984 – Trú tại : Tổ 53 Nam Ô 3, phường Hứa Hiệp N , quận L, thành phố Đ, vắng mặt khụng có lý do.

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện về việc Ly hôn và tại bản tự khai, nguyên đơn là bà **Thị Thị T** trình bày:

* **Về quan hệ hôn nhân:** Bà **Thị Thị T** và ụng **Lờ Thanh B** kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hứa Hiệp Nam, quận Liền Chiều, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại nhà ụng **Bõnh** tổ 53 Nam Ô 3, phường Hứa Hiệp Nam, quận Liền Chiều, thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống giữa ông bà đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ụng **Bõnh** khụng cú trách nhiệm với gia đình, khụng lo làm ăn chỉ tụ tập cờ bạc, rượu chè, say về nhà lại chửi bới, xúc phạm vợ con. Bà **Tứ** đó nhiều lần khuyờn nhủ nhưng ụng **Bõnh** vẫn không thay đổi nên cuộc sống dần đi vào bế tắc. Đến năm 2020 thờ ụng bà chớnh thức sống ly thõn, nhưng đến tháng 9.2024, bà **Tứ** cùng con mới dọn ra ngoài sinh sống, ụng **Bõnh** sống một mõnh tại nhà, từ đó đến nay khụng ai cú

trởch nhiệm gỡ với ai. Bà Thi Thị Tứ xác định mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống nên kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Thi Thị Tứ được ly hôn với ụng Lò Thanh Bõnh.

*** Về quan hệ con chung:** Bà Thi Thị Tứ và ụng Lò Thanh Bõnh có 01 con chung tên Lò An Phỳ – Sinh ngày 28.12.2015.

Ly hôn, bà Tứ có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung An Phỳ, khụng yêu cầu ụng Bõnh đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

*** Về tài sản chung :** Bà Thi Thị Tứ xác định ông bà khụng có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

*** Về nợ chung:** Bà Thi Thị Tứ xác định ông bà không nợ ai và không ai nợ vợ chồng ông bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Lò Thanh Bõnh đến tham gia tố tụng tại phiên tòa, tạo điều kiện cho các bên hàn gắn và giải quyết vụ án nhưng ông Bõnh vẫn vắng mặt khụng cú lý do. Vì vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Lò Thanh Bõnh theo quy định tại khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu:**

Thẩm phán đó thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48; đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ ỏn. Thư ký phiên tòa đó thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đó tuân thủ đúng các nguyên tắc xét xử, đảm bảo các bên đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, việc hỏi và tranh tụng tại phiên tòa được tiến hành khách quan, đúng trình tự. Nguyên đơn cú mặt tại phiên tòa đó được Tòa ỏn đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đó được Tòa ỏn đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72, 227 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung của bà Thi Thị Tứ.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về phần thủ tục tố tụng : Bà Thi Thị Tứ khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng - Là nơi cư trú của bị đơn, ông Lò Thanh Bõnh là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ phốp luật: Bà Thi Thị Tứ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với ông Lê Thanh Bõnh. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án này là “ Tranh chấp Ly hôn ” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung : Tại phiên tòa hôm nay, ông Lê Thanh Bõnh vắng mặt, tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Bà Thi Thị Tứ và ông Lê Thanh Bõnh kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, phù hợp các quy định của pháp luật về điều kiện và thủ tục kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Thi Thị Tứ vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với ông Lê Thanh Bõnh, nguyên nhân là do ông Bõnh không có trách nhiệm với gia đình, khủng hoảng làm ăn chỉ tụ tập cờ bạc, rượu chè, say về nhà lại chửi bới, xúc phạm vợ con. Bà Tứ đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông Bõnh vẫn khủng hoảng thay đổi nên cuộc sống dần đi vào bế tắc. Đến năm 2020 thì ông bà chính thức sống ly thân, nhưng đến tháng 9.2024, bà Tứ cùng con mới dọn ra ngoài sinh sống, ông Bõnh sống một mình tại nhà, từ đó đến nay không ai có trách nhiệm gì với ai. Bà Thi Thị Tứ xác định mâu thuẫn đã quá trầm trọng, tõn cảm khủng hoảng cần nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Thanh Bõnh.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Thi Thị Tứ thì thấy: Giữa bà Tứ và ông Bõnh đó tồn tại những mâu thuẫn trầm trọng trong quá trình hôn nhân, ông Bõnh không có trách nhiệm với gia đình, khủng hoảng sự thấu hiểu và chia sẻ với nhau để cùng xây dựng, vun vón hạnh phúc gia đình, bản thân ông Bõnh khủng hoảng có công ăn việc làm, không tu chí làm ăn mà chỉ thường xuyên cờ bạc, uống rượu bia làm ảnh hưởng đến cuộc sống của vợ con, ông bà cũng thường xuyên xô xát, đánh đập nhau, bản thân bà Tứ thừa nhận hôn nhân không có hạnh phúc nên sống chung rất căng thẳng, đồng thời vợ chồng bà không có sự gắn bó trong tõn cảm nên dẫn đến hôn nhân bế tắc, không bền vững, gắn kết dài lâu.

Theo biên bản xác minh của Tòa án ở địa phương nơi ông bà cư trú thể hiện ông bà thường xuyên cãi vã to tiếng, xúc phạm nhau, ông Bõnh không lo làm ăn, thường xuyên rượu chè và đi chơi suốt đêm, hiện nay ông bà đó sống ly thân. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên hòa giải và tạo điều kiện kéo dài thời gian cho ông Lê Thanh Bõnh tìm cách hàn gắn tình cảm với bà Tứ để ông bà có cơ hội đoàn tụ nhưng ông Bõnh vẫn vắng mặt và cũng khủng hoảng ý kiến gỡ phần hồi yêu cầu của Tòa án, đó thể hiện khủng hoảng thiện chí trong việc hòa giải đoàn tụ, ngoài ra hôn nhân thực tế của ông bà đó chấm dứt vào thời điểm từ năm 2020, cho đến nay ông bà đó sống ly thân. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Thi Thị Tứ và ông Lê Thanh Bõnh đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng các điều 51, 54, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Thi Thị Tứ đối với ông Lê Thanh Bõnh.

* Về quan hệ con chung: Bà Thi Thị Tứ và ông Lê Thanh Bõnh có 01 con chung tên Lê An Phý – Sinh ngày 28.12.2015.

Ly hôn, bà Tứ có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung An Phỳ, khụng yờu cầu ụng Bõnh đõng gõp cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu và điều kiện về nuôi con, HĐXX xét thấy: Chỏu Lờ An Phỳ hiện nay đang ở độ tuổi phát triển nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, từ khi ụng bà sống ly thõn, cháu đều sống với bà Tứ, bản thõn bà Tứ cũng lo lắng chu toàn cho con cỏi. Đồng thời quả trõnh lấy lời khai của con chung thể hiện chỏu Lờ An Phỳ có nguyện vọng được sống với mẹ cũng là phù hợp với nguyện vọng của bà Thi Thị Tứ về việc nuôi dưỡng con chung. Do đó cần thiết giao cháu Lê An Phú cho bà Tứ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng của con chung và quy định của phỏp luật tại điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

Bà Thi Thị Tứ không yêu cầu ông Lờ Thanh Bõnh đõng gõp cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó HĐXX không đề cập giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung : Bà Thi Thị Tứ xác định ông bà khụng có tài sản chung nờn không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

* Về nợ chung: Bà Thi Thị Tứ xác định ông bà không nợ ai và không ai nợ vợ chồng ông bà.

[3]. Về ỏn phớ: Căn cứ Điểm b, Khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng ỏn phớ và lệ phớ Tũa ỏn và Danh mục ỏn phớ, lệ phớ Tũa ỏn (ban hành kèm theo) bà Thi Thị Tứ phải nộp tiền án phí 300.000đ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng điều 227, 228, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các điều 51, 56, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “ Ly hôn” của bà Thi Thị Tứ đối với ông Lê Thanh Bõnh.

Xử: cho bà Thi Thị Tứ được ly hôn với ụng Lờ Thanh Bõnh.

2. Về con chung: Bà Thi Thị Tứ và ụng Lờ Thanh Bõnh có 01 con chung tờn Lờ An Phỳ – Sinh ngày 28.12.2015.

Xử : Giao chỏu Lờ An Phỳ cho bà Thi Thị Tứ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. ểng Lờ Thanh Bõnh không phải đõng gõp cấp dưỡng nuôi con chung.

Ly hôn, các bên đương sự đều có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

* Về tài sản chung : Khụng cú.

* Về nợ chung: Khụng cú.

3. Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Thi Thị Tứ tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000đ bà Tứ đã nộp theo biên lai thu số 0008943 ngày 15/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Liền Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà Thi Thị Tứ đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản ổn hoặc trích sao bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Những người tham gia tố tụng.
- Viện KSND quận Liền Chiểu.
- Lưu hồ sơ.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ánh Nguyệt